

Số: 72/KH-Olympia

Đà Nẵng, ngày 09 tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH

Hoạt động giáo dục nhà trường cấp Tiểu học năm học 2025-2026

NỘI DUNG

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH.....	3
II. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM HỌC 2025-2026	4
1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương.....	4
2. Đặc điểm tình hình nhà trường.....	4
III. MỤC TIÊU GIÁO DỤC	7
1. Mục tiêu chung.....	7
2. Mục tiêu cụ thể.....	8
a) Mục tiêu về chất lượng giáo dục	8
b) Mục tiêu về đội ngũ.....	9
c) Mục tiêu về cơ sở vật chất.....	9
d) Mục tiêu khác	9
IV. TỔ CHỨC CÁC MÔN HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TRONG NĂM HỌC.....	10
1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục trong năm học	10
a) Thực hiện Chương trình Giáo dục Phổ thông.....	10
b) Đổi mới kiểm tra, đánh giá.....	10
2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học	10
Giáo dục kỹ năng sống và hoạt động trải nghiệm.....	11
c) Công tác giáo dục thể chất, y tế học đường.....	11
3. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục trong năm học	11
V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN	12
1. Công tác xây dựng và phát triển đội ngũ	12
a) Bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ.....	12
b) Nâng cao phẩm chất đạo đức nhà giáo	12
2. Công tác cơ sở vật chất và ứng dụng công nghệ thông tin	12
a) Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất.....	12
b) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số.....	12
3. Công tác quản lý và kiểm định chất lượng giáo dục.....	12
a) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý	12
b) Công tác kiểm định chất lượng giáo dục	13
4. Công tác xã hội hóa giáo dục	13
VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	13
1. Phân công trách nhiệm	13
2. Tiến độ thực hiện	13
3. Chế độ thông tin, báo cáo.....	13
4. Đánh giá và điều chỉnh kế hoạch.....	14

VII. PHỤ LỤC.....	15
1. Phụ lục 1. Thống kê đội ngũ giáo viên, nhân viên cấp Tiểu học	15
2. Phụ lục 2. Phân công lao động năm học 2025-2026	16
3. Phụ lục 3. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục- Năm học	20
3. Phụ lục 4. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục- Tuần học	21
5. Phụ lục 5. Các hoạt động trải nghiệm, sự kiện chính trong năm học	23
6. Phụ lục 6. Lịch năm học 2025-2026	25

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Chương trình Giáo dục Phổ thông.

Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Chương trình Giáo dục Phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018.

Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông.

Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên.

Căn cứ công văn số 3535/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm cấp tiểu học trong chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 từ năm học 2020-2021;

Căn cứ công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học năm học 2021-2022;

Căn cứ công văn số 2248/SGDĐT-GDTH ngày 26/07/2021 của Sở GD&ĐT thành phố về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường ;

Căn cứ Quyết định số 1093/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2025 Về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Công văn số 762/SGDĐT-GDTH về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học từ năm học 2025-2026

Căn cứ công văn số 919/SGDĐT-GDTH ngày 04/09/2025 của Sở GD&ĐT thành phố về việc hướng nhiệm vụ Giáo dục Tiểu học năm học 2025-2026;

Căn cứ công văn số 630/SGDĐT-GDTH ngày 18/08/2025 của Sở GD&ĐT thành phố về việc hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục tiểu học từ năm học 2025-2026;

Căn cứ Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026 của Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Olympia;

Căn cứ tình hình thực tế Giáo dục Tiểu học của phường Hải Châu, Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Olympia xây dựng Kế hoạch hoạt động giáo dục cấp Tiểu học năm học 2025-2026 như sau:

II. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM HỌC 2025-2026

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương

Phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, được thành lập từ sự sáp nhập của các phường cũ: Hải Châu, Phước Ninh, Thạch Thang, Thanh Bình và Thuận Phước, có diện tích tự nhiên 7,58 km² và dân số khoảng 131.000 người. Vị trí nằm ở trung tâm thành phố, giáp với các phường: Thanh Bình, Thuận Phước, Thạch Thang, Phước Ninh và Hải Châu cũ.

Trong những năm qua, phường đã có nhiều cải thiện, với sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế thương mại, dịch vụ và du lịch. Người dân ngày càng có ý thức cao trong việc đảm bảo an ninh, trật tự và vệ sinh môi trường, tạo thuận lợi cho công tác giáo dục.

Trong bối cảnh phường Hải Châu có nền giáo dục phát triển, công tác giáo dục của nhà trường được hỗ trợ từ sự phát triển của công nghệ thông tin, giúp phụ huynh và học sinh nhanh chóng tiếp cận các thông tin về giáo dục.

Chính quyền địa phương đã chú trọng đổi mới Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, hỗ trợ cơ sở vật chất và điều kiện cho công tác giảng dạy, giúp các trường triển khai chương trình đồng bộ và hiệu quả.

2. Đặc điểm tình hình nhà trường

2.1. Về học sinh

- Số lớp: 8, tổng số 176 HS,
- Tỷ lệ HS/lớp trung bình: 22.

STT	Khối	Số lớp	Số học sinh	HS học 2 buổi/ ngày (bán trú)
1	1	2	46	46
2	2	2	47	47
3	3	2	40	40
4	4	1	21	21
5	5	1	20	20
Tổng		8	176	176

Học sinh ngoan, lễ phép, không có học sinh vi phạm pháp luật. Nề nếp học tập cộng tác đang được định hình, các phẩm chất, năng lực được giáo dục dần hình thành rõ nét.

2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý

- Tổng số nhân sự: 28 (không bao gồm nhân sự gián tiếp); trong đó:
 - + Cán bộ quản lý: Hiệu trưởng: 01; Phó hiệu trưởng 02 (quản lý 3 cấp học)
 - + Phụ trách chuyên môn Tiểu học: 01
 - + Giáo vụ: 01 (cấp Tiểu học và THCS);
 - + Giáo viên Tiểu học: 8
 - + Giáo viên tin học: 1 (phụ trách câu lạc bộ Robotic)
 - + Giáo viên tiếng Anh Việt Nam: 04
 - + Giáo viên tiếng Anh và chương trình Cambridge Quốc tế: 4
 - + Giáo viên Giáo dục thể chất và Nghệ thuật: 06 (trong đó 5 GV dạy ở 2 cấp học Tiểu học và THCS)

Điểm mạnh:

- GV, nhân viên giáo viên nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.
- Giáo viên có ý thức chấp hành mọi quy định của ngành và cấp trên, không có giáo viên vi phạm đạo đức nhà giáo. Số GV trẻ, mới ra trường khá đông, có nhiều thời gian dành cho chuyên môn, nắm bắt đổi mới nhanh.
- Nền tảng chuyên môn theo định hướng GD tiếp cận năng lực HS của nhà trường khá vững chắc, cơ bản GV có thể chủ động, linh hoạt và sáng tạo trong thực thi CT-SGK mới.
- Tập thể nhà trường luôn đoàn kết giúp đỡ nhau hoàn thành tốt công việc được giao. Văn hóa nhà trường đang được định hình theo hướng liên tục cải tiến, học hỏi, chia sẻ cùng phát triển nhà trường.

Hạn chế: Do đội ngũ giáo viên còn trẻ, kinh nghiệm sư phạm đang trong quá trình tích lũy, một số giáo viên cần thêm thời gian để làm quen với các quy chế ngành và nâng cao kỹ năng ứng xử sư phạm với học sinh, phụ huynh và đồng nghiệp. Nhà trường cần tăng cường các hoạt động gắn kết và chia sẻ chuyên môn để khắc phục hạn chế này.

(Phụ lục 1. Thống kê đội ngũ giáo viên, nhân viên cấp Tiểu học)

(Phụ lục 2. Phân công lao động năm học 2025-2026)

2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; cơ sở vật chất thực hiện bán trú

Trường TH, THCS & THPT Olympia sở hữu cơ sở vật chất tiên tiến, được trang bị đầy đủ để hỗ trợ quá trình dạy và học, đảm bảo thực hiện hiệu quả Chương trình Giáo dục Phổ thông 2018 và các chương trình quốc tế:

- Hệ thống phòng học:

+ Tổng cộng 12 phòng học, bao gồm 08 phòng Tiểu học và 04 phòng Trung học Cơ sở.

+ Sách vở và đồ dùng học tập được cung cấp đầy đủ, đáp ứng nhu cầu giảng dạy và học tập.

- Phòng chức năng đa dạng:

+ 01 phòng Mỹ thuật, 01 phòng Đa năng, 01 phòng MLS, 01 phòng Giáo viên, 01 Thư viện, và 01 hồ bơi, tạo điều kiện cho các hoạt động học tập và phát triển kỹ năng toàn diện.

- Trang thiết bị hiện đại:

+ Trang bị đầy đủ các thiết bị dạy học như bảng thông minh, tivi thông minh, cơ bản đáp ứng yêu cầu của Chương trình Giáo dục Phổ thông 2018.

- Cơ sở phục vụ bán trú:

+ 01 bếp bán trú dạng hai chiều, đủ sức phục vụ khoảng 500 suất ăn mỗi ngày.

+ Học sinh bán trú được bố trí ăn và ngủ tại các lớp học, đảm bảo sự thuận tiện và an toàn.

- Môi trường học tập tiện nghi:

+ Tất cả các lớp học đều được lắp đặt điều hòa nhiệt độ, ánh sáng tốt, bàn ghế đầy đủ, tạo không gian học tập thoải mái và thuận tiện.

- Ứng dụng công nghệ kết nối:

+ Các lớp học tham gia kênh MS TEAMS, hỗ trợ trao đổi thông tin hai chiều giữa nhà trường, giáo viên, phụ huynh và học sinh.

+ Tăng cường phối hợp giáo dục tại nhà, duy trì liên lạc hiệu quả để cùng hướng tới kết quả học tập tối ưu cho học sinh.

Với cơ sở vật chất hiện đại và môi trường học tập thân thiện, Trường TH, THCS & THPT Olympia cam kết mang lại trải nghiệm giáo dục chất lượng cao, đồng hành cùng sự phát triển toàn diện của học sinh.

III. MỤC TIÊU GIÁO DỤC

1. Mục tiêu chung

Thực hiện đầy đủ, đúng quy định và hiệu quả Chương trình Giáo dục Phổ thông (CTGDPT) ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tập trung nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện về đạo đức, sức khỏe, tri thức, kỹ năng, và ý thức trách nhiệm cộng đồng, nhằm hình thành thể hệ học sinh có phẩm chất, năng lực và trách nhiệm xã hội, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

Phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh theo các yêu cầu của CTGDPT, trọng tâm là rèn luyện tư duy phản biện độc lập, kỹ năng tự học, và khả năng ứng dụng tri thức vào thực tiễn, qua đó chuẩn bị hành trang vững chắc để học sinh đáp ứng yêu cầu của giáo dục hiện đại, định hướng nghề nghiệp, và hội nhập quốc tế.

Đẩy mạnh giáo dục STEM (Khoa học, Công nghệ, Kỹ thuật, Toán học) và nghiên cứu khoa học trong học sinh, khuyến khích sự sáng tạo và tư duy đổi mới thông qua các dự án STEM liên môn, các cuộc thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật, và các hoạt động thực hành trong phòng thí nghiệm, nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề và chuẩn bị nhân lực chất lượng cao cho các lĩnh vực công nghệ cao của TP. Đà Nẵng.

Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, lấy học sinh làm trung tâm, tạo điều kiện để học sinh phát huy sự sáng tạo, khơi dậy niềm đam mê học tập, và trải nghiệm niềm hạnh phúc trong quá trình học tập và phát triển bản thân, đảm bảo tuân thủ các quy định về môi trường giáo dục theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, và nhân viên thông qua các chương trình bồi dưỡng chuyên sâu, tập huấn định kỳ về phương pháp dạy học STEM và nghiên cứu khoa học, đồng thời tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giảng dạy, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của nhà trường.

Tăng cường năng lực giao tiếp tiếng Anh cho học sinh, chú trọng phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết theo chuẩn quốc tế, tích hợp tiếng Anh vào các hoạt động STEM để nâng cao hiệu quả học tập; đồng thời đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục, triển khai mô hình lớp học thông minh, sử dụng học liệu số hóa, học bạ điện tử, và các nền tảng học tập trực tuyến nhằm hiện đại hóa quá trình dạy và học.

Xây dựng và phát triển văn hóa học đường tích cực, sáng tạo, và gắn kết cộng đồng, tạo môi trường giáo dục dân chủ, kỷ cương, và thân thiện; thúc đẩy các giá trị văn hóa, đạo đức, và trách nhiệm xã hội trong đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên, và học sinh; đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình, và cộng đồng

để xây dựng một môi trường học tập bền vững, hạnh phúc, và hỗ trợ phát triển các hoạt động STEM và nghiên cứu khoa học.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu về chất lượng giáo dục

- **Hoàn thành chương trình học:** Đảm bảo 100% học sinh hoàn thành đầy đủ chương trình giáo dục Tiểu học theo quy định của Chương trình Giáo dục Phổ thông hiện hành. Toàn bộ các môn học được giáo viên đánh giá thường xuyên với kết quả đạt yêu cầu, trong đó ít nhất 90% học sinh đạt mức Tốt hoặc Khá, không để xảy ra trường hợp học sinh xếp loại Chưa đạt.

- **Kết quả kiểm tra định kỳ:** Đảm bảo 100% học sinh đạt điểm từ 5 trở lên trong các bài kiểm tra định kỳ tất cả các môn học. Phần đầu tối thiểu 80% học sinh đạt điểm từ 7 trở lên, trong đó ít nhất 40% đạt điểm từ 8 trở lên. Mục tiêu này nhằm đảm bảo chất lượng học tập đồng đều, đáp ứng đầy đủ yêu cầu kiểm tra, đánh giá của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- **Phát triển năng lực cốt lõi:** 100% học sinh đạt mức Tốt hoặc Đạt trong các năng lực nền tảng theo yêu cầu chương trình, bao gồm: Năng lực tự chủ và tự học; Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

- **Tăng cường học tập tích cực qua các hoạt động trải nghiệm:** Nhà trường khuyến khích học sinh tham gia các dự án liên môn theo chủ đề “Khám phá STEM: Tương lai xanh”, các câu lạc bộ STEM và hoạt động ngoại khóa như nghiên cứu khoa học, thi tìm hiểu kiến thức. Phần đầu có ít nhất 20% học sinh tham gia các dự án STEM và các cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp trường hoặc cấp thành phố.

- **Rèn luyện phẩm chất đạo đức:** Đảm bảo 100% học sinh đạt mức Tốt hoặc Đạt ở 5 phẩm chất chủ yếu gồm: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm theo quy định. Phần đầu 80% học sinh đạt mức Tốt, không có học sinh xếp loại Chưa đạt, góp phần xây dựng ý thức tự giác, kỷ luật và văn hóa học đường tích cực.

- **Hoàn thành chương trình lớp học:** Đảm bảo 100% học sinh hoàn thành đầy đủ chương trình lớp học các khối 1 đến 5, đáp ứng đầy đủ yêu cầu đánh giá theo Chương trình Giáo dục Phổ thông.

- **Chuẩn bị kỳ thi Checkpoint lớp 5:** Tập trung ôn tập và củng cố kiến thức cho học sinh lớp 5, đảm bảo 100% học sinh tham gia kỳ thi Checkpoint đạt kết quả tốt. Phần đầu ít nhất 80% học sinh đạt điểm trên chuẩn trung bình kỳ thi, đồng thời phát triển kỹ năng làm bài và tư duy phản biện.

- **Tăng cường các môn học trọng điểm:** Phát triển đồng đều năng lực trong các môn Toán, Tiếng Việt, Tiếng Anh, đảm bảo học sinh nắm vững kiến thức, kỹ năng cốt lõi và vận dụng linh hoạt.

- **Nâng cao năng lực Tiếng Anh:** Đặt mục tiêu ít nhất 40% học sinh lớp 5 đạt trình độ Tiếng Anh tương đương chuẩn A2 theo khung tham chiếu châu Âu, tập trung phát triển toàn diện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

- **Khuyến khích giáo dục STEM:** Thúc đẩy học sinh tham gia các dự án STEM và nghiên cứu khoa học kỹ thuật ngay từ bậc Tiểu học, với ít nhất 15% học sinh tham gia các cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp trường và cấp thành phố, góp phần phát triển năng lực sáng tạo và ứng dụng thực tiễn.

b) Mục tiêu về đội ngũ

Đảm bảo 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó ít nhất 30% đạt trên chuẩn (trình độ thạc sĩ hoặc chứng chỉ bồi dưỡng nâng cao về chuyên môn, nghiệp vụ). Tổ chức để 100% giáo viên tham gia ít nhất 2 khóa bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm học, bao gồm các chương trình tập huấn về phương pháp dạy học tích cực, giáo dục STEM, và ứng dụng công nghệ thông tin, nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

Phấn đấu 90% giáo viên sử dụng thành thạo công nghệ thông tin trong giảng dạy, khai thác hiệu quả các nền tảng học tập trực tuyến (Microsoft Office 365 Copilot), các phần mềm hỗ trợ dạy học, và học liệu số hóa, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và hỗ trợ học tập cá nhân hóa cho học sinh.

c) Mục tiêu về cơ sở vật chất

Đảm bảo môi trường học tập an toàn, xanh, sạch, đẹp, với 100% khu vực trường học đạt tiêu chuẩn vệ sinh, an toàn và thân thiện theo quy định của Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trang bị đầy đủ cơ sở vật chất và thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định của Bộ GD-ĐT.

d) Mục tiêu khác

+ Tích hợp giáo dục kỹ năng sống thiết yếu như quản lý thời gian, giao tiếp và hợp tác vào các môn học và hoạt động giáo dục, đảm bảo 100% học sinh đều tham gia và phát triển những kỹ năng quan trọng này.

+ Tổ chức ít nhất 6 hoạt động trải nghiệm sáng tạo và hướng nghiệp mỗi năm, bao gồm các chuyến tham quan doanh nghiệp, hội thảo chuyên đề với các trường đại học và chương trình giao lưu nghề nghiệp, giúp học sinh định hướng tương lai và phát triển năng lực thực tiễn.

+ Triển khai chương trình tư vấn tâm lý học đường nhằm hỗ trợ học sinh quản lý cảm xúc, giảm áp lực trong học tập và cuộc sống; tổ chức ít nhất 4 buổi tư vấn tâm lý mỗi năm để chăm sóc sức khỏe tinh thần học sinh.

+ Đảm bảo 100% học sinh được đào tạo kỹ năng thoát hiểm, phòng cháy chữa cháy và các kỹ năng an toàn cần thiết, nhằm bảo vệ bản thân trong mọi tình huống khẩn cấp.

+ Lồng ghép giáo dục kỹ năng sống, đạo đức lối sống, ý thức bảo vệ môi trường và an toàn giao thông vào các môn học, hoạt động ngoại khóa và hoạt động trải nghiệm nhằm tạo nền tảng phát triển bền vững cho học sinh, phù hợp với yêu cầu của Chương trình Giáo dục Phổ thông 2018.

IV. TỔ CHỨC CÁC MÔN HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TRONG NĂM HỌC

1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục trong năm học

a) Thực hiện Chương trình Giáo dục Phổ thông

- Xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục của nhà trường và các tổ chuyên môn theo đúng hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời phù hợp với điều kiện thực tế và đáp ứng nhu cầu phát triển năng lực, sở thích của học sinh.

- Áp dụng các phương pháp dạy học tích cực như dạy học dự án, STEM/STEAM, học tập cá nhân hóa nhằm phát huy tối đa năng lực sáng tạo, tư duy phản biện và kỹ năng thực hành của học sinh. Cùng với đó, đổi mới kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực, giúp đánh giá khách quan toàn diện quá trình học tập của học sinh.

- Tăng cường tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, giáo dục truyền thống địa phương, cũng như các dự án STEM liên môn tiêu biểu như “STEM Explorers: Xây dựng tương lai xanh” nhằm phát huy khả năng ứng dụng kiến thức thực tiễn và nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường.

- Phân công chuyên môn khoa học, đảm bảo cân đối giữa các khối lớp và bộ môn, với 100% giáo viên được phân công công việc phù hợp với năng lực chuyên môn, tạo hiệu quả cao trong giảng dạy và quản lý lớp học.

(Phụ lục 3,4. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục)

b) Đổi mới kiểm tra, đánh giá

Thực hiện đúng quy chế kiểm tra, đánh giá của Bộ GD&ĐT, kết hợp đánh giá thường xuyên (qua dự án, bài tập thực tiễn) và đánh giá định kỳ.

Đổi mới hình thức kiểm tra theo hướng phát triển năng lực, sử dụng các bài kiểm tra bằng sản phẩm, dự án học tập (ít nhất 30% bài kiểm tra là dự án/sản phẩm).

Phân tích kết quả học tập của học sinh để điều chỉnh kế hoạch giảng dạy, đảm bảo 100% học sinh đạt mục tiêu học tập đề ra.

2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học

Lồng ghép các chủ đề giáo dục đạo đức (yêu nước, nhân ái, trung thực, trách nhiệm) vào các môn học, hoạt động ngoài giờ lên lớp, và sinh hoạt Đội.

Tổ chức các hoạt động giáo dục truyền thống, khơi dậy lòng tự hào dân tộc qua các dự án lịch sử và giáo dục địa phương (ít nhất 2 dự án/năm).

Xây dựng môi trường văn hóa học đường thân thiện, lành mạnh thông qua các quy tắc ứng xử và hoạt động cộng đồng.

Giáo dục kỹ năng sống và hoạt động trải nghiệm

- Tổ chức dưới nhiều hình thức khác nhau như: Câu lạc bộ, tham quan dã ngoại, hoạt động tình nguyện, lao động công ích, thể dục thể thao, văn nghệ, tham gia diễn đàn,...

- Giáo dục thông qua các hoạt động sinh hoạt tập thể ở lớp, trường và sinh hoạt theo chủ đề như:

+ Sinh hoạt tập thể toàn trường: chào cờ đầu tuần, các hội thi, các buổi lễ phát động, các ngày kỷ niệm, các buổi giao lưu tập thể, các phong trào thi đua của toàn trường...

+ Sinh hoạt tập thể lớp: sinh hoạt lớp hàng tuần, sinh hoạt lớp theo chủ đề (Theo chương trình của nhà trường), các hoạt động chung của lớp (tham quan, dã ngoại, thi đua giữa các tổ, ...)

- Giáo dục thông qua các hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục thể thao và vui chơi: các cuộc thi văn hóa - văn nghệ, thể dục thể thao.

- Tăng cường lồng ghép, giáo dục đạo đức, lối sống: học tập và làm theo lời Bác, giáo dục pháp luật, giáo dục biển đảo, giáo dục phòng chống các tệ nạn xã hội, giáo dục an toàn giao thông,... thông qua các hoạt động trải nghiệm trong nhà trường.

- Tổ chức tốt việc cho học sinh trải nghiệm ngay trong nhà trường và tại địa phương, học sinh có bài thu hoạch sau khi được trải nghiệm.

(Phụ lục 5. Các hoạt động trải nghiệm, sự kiện chính trong năm học)

c) Công tác giáo dục thể chất, y tế học đường

Đảm bảo 100% học sinh tham gia các tiết học thể dục, tập trung vào luyện tập Karate và các môn thể thao khác (tổ chức ít nhất 2 giải thể thao/năm).

Chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng chống dịch bệnh, và tuyên truyền vệ sinh an toàn thực phẩm (tổ chức 2 buổi tuyên truyền/năm).

Đảm bảo 100% học sinh được kiểm tra sức khỏe định kỳ ít nhất 1 lần/năm.

3. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục trong năm học

- **Thời gian năm học:** Thực hiện 35 tuần.

Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, mỗi tiết trung bình 35 phút; cả năm học 35 tuần.

+ Ngày tựu trường: ngày 1/8/2025;

+ Ngày khai giảng: ngày 05/9/2025

+ Học kỳ I: bắt đầu từ ngày 25/8/2025 đến trước ngày 05/01/2026 (bao gồm 18 tuần học và tổ chức các hoạt động khác; nghỉ kết thúc học kỳ I vào ngày 05/01/2025).

+ Học kỳ II: bắt đầu từ ngày 12/01/2026 đến ngày 25/5/2026 (bao gồm 17 tuần học và tổ chức các hoạt động khác).

+ Ngày bế giảng năm học: Ngày 29/5/2026.

(Phụ lục 6. Lịch năm học 2025-2026)

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác xây dựng và phát triển đội ngũ

a) Bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên theo các module của Bộ GD&ĐT, đảm bảo 100% giáo viên tham gia. Tổ chức ít nhất 4 buổi tập huấn, hội thảo chuyên đề về phương pháp dạy học tích cực và ứng dụng công nghệ thông tin. Khuyến khích giáo viên tham gia các khóa học nâng cao trình độ (mục tiêu 10% giáo viên đạt trình độ thạc sĩ trong năm học).

b) Nâng cao phẩm chất đạo đức nhà giáo

Tổ chức các buổi học tập, quán triệt quy định về đạo đức nhà giáo (2 buổi/năm). Tuyên dương, khen thưởng ít nhất 20% giáo viên có thành tích xuất sắc trong giảng dạy và giáo dục. Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm đạo đức nhà giáo (nếu có) theo quy định của pháp luật.

2. Công tác cơ sở vật chất và ứng dụng công nghệ thông tin

a) Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất

Mua sắm, bổ sung hoá chất, thiết bị, dụng cụ dạy học phù hợp theo danh mục thiết bị tối thiểu của Bộ GD&ĐT. Đảm bảo 100% khu vực trường học đạt tiêu chuẩn an toàn, xanh, sạch, đẹp.

b) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số

Triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS) và học bạ điện tử cho 100% học sinh và giáo viên. Khuyến khích giáo viên sử dụng các phần mềm hỗ trợ dạy học trên nền tảng Microsoft Office 365 Copilot và phát triển ít nhất 50 bài giảng điện tử/năm. Xây dựng kho học liệu số với ít nhất 100 tài liệu học tập số hóa. Đảm bảo hạ tầng mạng Internet ổn định, tốc độ cao phục vụ dạy và học.

3. Công tác quản lý và kiểm định chất lượng giáo dục

a) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý

Phân cấp quản lý rõ ràng, giao nhiệm vụ cụ thể cho các tổ chuyên môn và ban giám hiệu. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hồ sơ, nhân sự, và tài chính (triển khai phần mềm quản lý trường học cho 100% hoạt động hành chính). Tăng cường kiểm tra, giám sát nội bộ, tổ chức ít nhất 4 đợt kiểm tra/năm học.

b) Công tác kiểm định chất lượng giáo dục

Thực hiện tự đánh giá theo tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục của Bộ GD&ĐT, hoàn thành báo cáo tự đánh giá trước tháng 12/2025. Cải tiến các hoạt động giáo dục dựa trên kết quả tự đánh giá, đảm bảo nâng cao chất lượng ít nhất 2 tiêu chí kiểm định.

4. Công tác xã hội hóa giáo dục

Phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh: Tổ chức ít nhất 2 buổi họp phụ huynh định kỳ và 1 buổi họp đột xuất/năm để thông báo tình hình học tập, rèn luyện của học sinh. Vận động phụ huynh tham gia đóng góp ý kiến và hỗ trợ các hoạt động giáo dục (ít nhất 80% phụ huynh tham gia).

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phân công trách nhiệm

Ban giám hiệu: Chỉ đạo chung, phê duyệt kế hoạch, kiểm tra, giám sát các hoạt động giáo dục; tổ chức họp giao ban định kỳ (hàng tháng).

Các tổ chuyên môn: Xây dựng kế hoạch chuyên môn, triển khai các hoạt động dạy học, bồi dưỡng giáo viên, và báo cáo tiến độ thực hiện (hàng tháng).

Giáo viên chủ nhiệm: Quản lý lớp, phối hợp với phụ huynh, tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh, và báo cáo tình hình lớp học (hàng tuần).

Các bộ phận chức năng (Văn phòng, Thư viện, Y tế): Thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, hỗ trợ các hoạt động giáo dục (liên tục trong năm học).

Đoàn trường: Tổ chức các phong trào, hoạt động giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, và hoạt động trải nghiệm (ít nhất 6 hoạt động/năm).

2. Tiến độ thực hiện

Tháng 8/2025: Hoàn thiện kế hoạch giáo dục, phân công nhiệm vụ, chuẩn bị cơ sở vật chất, và tổ chức họp phụ huynh đầu năm.

Tháng 9-12/2025 (Học kỳ I): Triển khai dạy học, bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu, và tổ chức các hoạt động trải nghiệm.

Tháng 1-5/2026 (Học kỳ II): Tăng cường ôn luyện cho học sinh lớp 5 chuẩn bị cho kỳ thi Checkpoint Cambridge, hoàn thành kiểm định chất lượng.

Tháng 6/2026: Tổng kết năm học, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, và chuẩn bị cho năm học mới.

3. Chế độ thông tin, báo cáo

Các tổ chuyên môn và giáo viên chủ nhiệm báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch cho Ban giám hiệu hàng tháng. Tổ chức họp giao ban (hàng tháng), sơ kết (cuối học kỳ I), và tổng kết (cuối năm học) để đánh giá và điều chỉnh kế hoạch.

4. Đánh giá và điều chỉnh kế hoạch

Tiêu chí đánh giá

Đánh giá dựa trên mức độ hoàn thành các mục tiêu về chất lượng giáo dục, đội ngũ, cơ sở vật chất, và các hoạt động giáo dục. Đánh giá sự phù hợp của các giải pháp triển khai với điều kiện thực tế của nhà trường. Đánh giá hiệu quả của các hoạt động giáo dục thông qua kết quả học tập, rèn luyện, và phản hồi từ học sinh, giáo viên, phụ huynh.

Phương pháp đánh giá

Thu thập dữ liệu qua kết quả học tập, hạnh kiểm, khảo sát ý kiến học sinh/phụ huynh (tổ chức 2 khảo sát/năm), và báo cáo dự giờ. Phân tích, so sánh kết quả thực hiện với mục tiêu ban đầu để đánh giá mức độ đạt được. Lấy ý kiến phản hồi từ giáo viên, học sinh, phụ huynh, và các bên liên quan để cải tiến kế hoạch.

Điều chỉnh kế hoạch

Dựa trên kết quả đánh giá, kịp thời điều chỉnh kế hoạch giảng dạy, hoạt động giáo dục, và phân bổ nguồn lực để phù hợp với tình hình thực tế. Cập nhật các thay đổi từ quy định của Bộ GD&ĐT và Sở GD&ĐT Đà Nẵng (nếu có) để đảm bảo tuân thủ.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường cấp Tiểu học năm học 2025-2026 của trường Tiểu học, Trung học cơ sở, trung học phổ thông Olympia. Kính đề nghị các tổ bộ phận; đội ngũ giáo viên, nhân viên nhà trường nỗ lực thực hiện tốt kế hoạch.

Nơi nhận:

- Sở GD-ĐT,
- Phường Hải Châu
- HĐGD
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Minh Tuyết

VII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục 1. Thống kê đội ngũ giáo viên, nhân viên cấp Tiểu học

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên							
	Giáo viên	22		1	18	1		
I	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:							
1	Giáo viên Tiểu học	8						
2	Ngoại ngữ	9			9			
3	Tin học	1			1			
4	Âm nhạc	1			1			
5	Mỹ thuật	1			1			
6	Thể dục	2			1			
II	Cán bộ quản lý	3						
1	Hiệu trưởng	1		1				
2	Phó hiệu trưởng	2	1	1				
3	Phụ trách chuyên môn	1		1				
III	Nhân viên	41						
1	Nhân viên văn thư				1			
2	Nhân viên kế toán			1	3			
3	Thủ quỹ				1			
4	Nhân viên y tế					1		
5	Nhân viên giáo vụ kiêm thư viện				1			
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm, công nghệ thông tin				1			
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật		0	0	0	0	0	0
8	Nhân viên cơ sở vật chất, bảo vệ và tạp vụ				2		3	4
9	Nhân viên tuyển sinh				2	3		
10	Nhân viên truyền thông, thiết kế				3			
11	Nhân viên bán trú				1	2	4	6
12	Nhân viên hành chính, nhân sự				2			

2. Phụ lục 2. Phân công lao động năm học 2025-2026

TT	Tên giáo viên	Chức vụ	Lớp chủ nhiệm/ Hỗ trợ	Giảng dạy	Tổng số tiết lên lớp/ tuần	Ghi chú
Tổ Tiểu học (9)						
1	Trần Thị Như Ngọc	GV Tiểu học	Sun 1 (1.1)	Toán Việt Nam (2) Tiếng Việt (12) Tự nhiên xã hội (2) Hoạt động trải nghiệm (2) Đạo đức (1)	22 Tiết/tuần + Đồng giảng Chương trình tích hợp - 2 Tiết/ tuần + Tích hợp hoạt động trải nghiệm- 1 tiết/ tuần	
2	Nguyễn Thị Liên	GV Tiểu học	Sun 2 (1.2)	Toán Việt Nam (2) Tiếng Việt (12) Tự nhiên xã hội (2) Hoạt động trải nghiệm (2) Đạo đức (1)	22 Tiết/tuần + Đồng giảng Chương trình tích hợp - 2 Tiết/ tuần + Tích hợp hoạt động trải nghiệm- 1 tiết/ tuần	
3	Dương Thị Ly Ly	GV Tiểu học	Mercury (2.1)	Toán Việt Nam (4) Tiếng Việt (10) Tự nhiên xã hội (2) Hoạt động trải nghiệm (2) Đạo đức (1)	22 Tiết/tuần + Đồng giảng Chương trình tích hợp - 2 Tiết/ tuần + Tích hợp hoạt động trải nghiệm- 1 tiết/ tuần	
4	Lương Thị Minh Nguyệt	GV Tiểu học	Mercury (2.2)	Toán Việt Nam (4) Tiếng Việt (10) Tự nhiên xã hội (2) Hoạt động trải nghiệm (2) Đạo đức (1)	22 Tiết/tuần + Đồng giảng Chương trình tích hợp - 2 Tiết/ tuần + Tích hợp hoạt động trải nghiệm- 1 tiết/ tuần	Tổ trưởng Tổ Tiểu học
5	Tôn Nữ Gia Bảo	GV Tiểu học	Venus 1 (3.1)	Toán Việt Nam (4) Tiếng Việt (7) Tự nhiên xã hội (2) Hoạt động trải nghiệm (2)	20 Tiết/tuần + Đồng giảng Chương trình tích hợp - 2 Tiết/ tuần	

				Đạo đức (1) Công nghệ (1)	+ Tích hợp hoạt động trải nghiệm- 1 tiết/ tuần	
6	Bùi Thị Y Thoa	GV Tiểu học	Venus 2 (Grade 3.2)	Toán Việt Nam (4) Tiếng Việt (7) Tự nhiên xã hội (2) Hoạt động trải nghiệm (2) Đạo đức (1) Công nghệ (1)	20 Tiết/tuần + Đồng giảng Chương trình tích hợp - 2 Tiết/ tuần + Tích hợp hoạt động trải nghiệm- 1 tiết/ tuần	
7	Hoàng Hà My	GV Tiểu học	Earth (Grade 4)	Toán Việt Nam (4) Tiếng Việt (7) Khoa học (1) Hoạt động trải nghiệm (3) Đạo đức (1) Công nghệ (1) Lịch sử & Địa lý (2)	21 Tiết/tuần + Đồng giảng Chương trình tích hợp - 2 Tiết/ tuần	
8	Hoàng Thị Ngân	GV Tiểu học	Mars (Grade 5)	Toán Việt Nam (4) Tiếng Việt (7) Khoa học (1) Hoạt động trải nghiệm (3) Đạo đức (1) Công nghệ (1) Lịch sử & Địa lý (2)	21 Tiết/tuần + Đồng giảng Chương trình tích hợp - 2 Tiết/ tuần	Tổ Phó Tổ Tiểu học
9	Trần Bích Châu	Giáo viên Tin học		Robotic (2): Mercury 1, Mercury 2; Venus 1, Venus 2 STEM-Robotic (1): Earth, Mars Tin học (1): Venus 1, Venus 2, Earth, Mars	14 tiết	
Tổ Tiếng Anh – Giáo viên Việt Nam (4)						
1	Cao Thị Thu Hà	GV Tiếng Anh	Mars (5) Grade 6	Đồng giảng dạy Tiếng Anh (1) Giảng dạy tiếng Anh 5,6 (1+2)	4 tiết/ tuần (1 tiết hỗ trợ chương trình tích hợp)	Tổ trưởng tổ Tiếng Anh và chương trình Cambridge

						Chương trình nhà trường
2	Lê Hiền Nhi	GV Tiếng Anh	Sun 2 (1.2) Venus 2 (2)	Đồng giảng dạy Tiếng Anh, Toán, Khoa học (12) Giảng dạy tiếng Anh Sun 2 (1) Giảng dạy tiếng Anh Venus 2 (2)	15 (12 tiết hỗ trợ chương trình tích hợp)	Chương trình nhà trường
3	Lê Thị Mơ	GV Tiếng Anh	Mecury 2.1 Mercury 2.2 Earth (4.1)	Đồng giảng dạy Tiếng Anh (1x3) Giảng dạy tiếng Anh (1x3)	6 (3 tiết hỗ trợ chương trình tích hợp)	Chương trình nhà trường
4	Ngô Thị Kim Thọ	GV Tiếng Anh	Sun 1 (1.1) Venus 1 (2)	Đồng giảng dạy Tiếng Anh, Toán, Khoa học (12) Giảng dạy tiếng Anh Sun 1 (1) Giảng dạy tiếng Anh Venus 1 (2)	15 (12 tiết hỗ trợ chương trình tích hợp)	Tổ phó tổ Tiếng Anh và chương trình Cambridge Chương trình nhà trường
Tổ Tiếng Anh – Giáo viên Quốc tế (5)						
1	Munnik Mariska	GVQT (Pri.)		English: Sun 1, Sun 2 (5 x 2 class) Maths: Sun 1, Sun 2 (4 x 2 class) Science: Sun 1, Sun 2 (3 x 2 class)	24 tiết	TH
2	Mathews Jodie	GVQT (Pri.)		English: Mercury 1, Mercury 2 (5 x 2 class) Maths: Mercury 1, Mercury 2 (4 x 2 class) Science: Mercury 1, Mercury 2 (3 x 4 class)	24 tiết	TH

3	Eric Seyler	GVQ T (Pri.)		English: Venus 1, Venus 2 (5 x 3 lớp) Maths: Venus 1, Venus 2 (4 x 2 lớp) Science: Venus 1, Venus 2 (3 x 4 class)	24 tiết	TH
4	Francois Wentzel Andre	GVQ T (Pri.)		English: Earth, Mars (5 x 2 lớp) Maths: Earth, Mars (4 x 2 lớp) Science: Earth, Mars (3 x 2 class)	24 tiết	TH
5	Stephanie Thieu	GVQ T (Eng.)		Mỹ thuật (1): Sun1, Sun 2, Mercury 1, Mercury 2, Venus 1, Venus 2, Earth, Mars	8 tiết/tuần	THPT
Tổ Thể chất và Nghệ thuật (5)						
1	Lê Văn Thái	Giáo viên Giáo dục thể chất		- Mercury 1 (2), Mercury 2(2), Grade 6(2), Grade 7(2), Grade 8(2), Grade 9(2) - Hỗ trợ: Sun1(2), Sun 2(2),	16 tiết/tuần	THCS
2	Nguyễn Văn Phúc	Giáo viên Giáo dục thể chất		- Sun1 (2), Sun 2 (2), Venus 1 (2), Venus 2 (2), Earth (2), Mars(2) - Hỗ trợ: Mercury 1 (2), Mercury 2(2),	16 tiết/tuần	Tổ trưởng Tổ GDTC và Nghệ thuật
3	Nguyễn Thị Thu Thủy	Giáo viên Mỹ thuật		Sun1(2), Sun 2(2), Mercury 1(2), Mercury 2(2), Venus 1 (2), Venus 2 (2), Earth (2), Mars(2), Grade 6(1), Grade 7(1), Grade 8(1), Grade 9(1)	20 tiết/ tuần	TH và THCS

4	Đỗ Ân Thi	Giáo viên Âm nhạc	Sun1(2), Sun 2(2), Mercury 1(2), Mercury 2(2), Venus 1 (2), Venus 2 (2), Earth (2), Mars(2), Grade 6(1), Grade 7(1), Grade 8(1), Grade 9(1)	20 tiết/ tuần	TH và THCS
5	Trần Duy Phương	Giáo viên Âm nhạc	Sun1(2), Sun 2(2), Mercury 1(2), Mercury 2(2), Venus 1 (2), Venus 2 (2), Earth (2), Mars(2), Grade 6(1), Grade 7(1), Grade 8(1), Grade 9(1)	20 tiết/ tuần	Giáo viên Câu lạc bộ

3. Phụ lục 3. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục- Năm học

TT	Hoạt động giáo dục	Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
		Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2
1. Môn học/hoạt động giáo dục bắt buộc																
1	Tiếng Việt	420	216	204	350	180	170	245	126	119	245	126	119	245	126	119
2	Tiếng Anh	35	18	17	35	18	17	70	38	34	35	18	17	35	18	17
3	Toán VN	70	36	34	140	72	68	140	72	68	140	72	68	140	72	68
4	Lịch sử & Địa lý										70	36	34	70	36	34
5	Tự nhiên xã hội/ Khoa học	70	36	34	70	36	34	70	36	34	35	18	17	35	18	17
6	Tin học căn bản và Công nghệ							70	36	34	70	36	34	70	36	34
7	Giáo dục thể chất	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
8	Âm nhạc	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
9	Mỹ thuật	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
10	Đạo đức	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
11	Experiential activities/ Hoạt động trải nghiệm	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51
2. Các câu lạc bộ trong nhà trường																
1	CLB STEM	70	36	34	70	36	34	70	36	34	1	36	34	1	36	34

2	CLB Mỹ thuật	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
3	CLB Âm nhạc	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
3. Các môn học tích hợp chương trình Cambridge																
1	Tiếng Anh Cambridge	140	72	68	175	90	85	175	90	85	175	90	85	175	90	85
2	Cambridge Toán	140	72	68	140	72	68	140	72	68	140	72	68	140	72	68
3	Cambridge Khoa học	105	54	51	105	54	51	140	72	68	140	72	68	140	72	68
TỔNG		1400	720	680	1400	720	680	1400	720	680	1400	720	680	1400	720	680

4. Phụ lục 4. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục- Tuần học

Chương trình	Môn học/ Hoạt động giáo dục	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5	Ghi chú
Chương trình Phổ thông Việt Nam 2018 / Vietnamese National Curriculum	1. Vietnamese / Tiếng Việt	12	10	7	7	7	
	2. Math / Toán	2	4	4	4	4	
	3. English /Tiếng Anh	1	1	2	1	1	
	4. Ethics / Đạo đức	1	1	1	1	1	
	5. Natural and Social sciences, Science/Tự nhiên xã hội, Khoa học	2	2	2	1	1	- Lớp 1, 2,3: + Phần Xã hội: 1 tiết/tuần + Phần Khoa học (Tích hợp chương trình Cambridge): 1 tiết/tuần
	6. History and Geography / Lịch sử & Địa lý				2	2	
	7. Technology / Công nghệ			1	1	1	
	8. PE / Giáo dục thể chất	2	2	2	2	2	

	9. Music / Âm nhạc	1	1	1	1	1	
	10. Art / Mỹ thuật	1	1	1	1	1	
	11. Experiential activities/ Hoạt động trải nghiệm (Class meeting/ Sinh hoạt chủ nhiệm)	1	1	1	1	1	
	12. Experiential activities/ Hoạt động trải nghiệm (Thematic Activity /Sinh hoạt theo chủ đề)	1	1	1	1	1	- Lớp 1, 2, 3: Tích hợp tiết học Hoạt động trải nghiệm (Sinh hoạt theo chủ đề) vào tiết học Tự nhiên- Xã hội (phần xã hội) và các Sự kiện trong năm học (theo Lịch năm học)
	13. Experiential activities/ Hoạt động trải nghiệm (Flag-saluting ceremony/Sinh hoạt dưới cờ)	1	1	1	1	1	- Tổ chức chào cờ toàn trường 1 tháng/ 1 lần, vào sáng thứ Hai, tuần đầu tiên của tháng. Các tuần còn lại tổ chức sinh hoạt tại lớp.
Chương trình Nhà trường/ SO program	1. Robotic club / CLB Robotic	2	2	2	1	1	
	2. Art club / CLB Mỹ thuật	1	1	1	1	1	Giờ học cùng giáo viên Quốc tế
	3. Music club / CLB Âm nhạc	1	1	1	1	1	
Tiếng Anh và Chương trình Tích hợp Cambridge	4. Cambridge English / Tiếng Anh Cambridge	3+ 2CLB	3+ 2CLB	3+ 2CLB	3+ 2CLB	3+ 2CLB	- 12 tiết/ tuần học với giáo viên quốc tế
	5. Cambridge Math / Toán Cambridge	4	4	4	4	4	
	6. Cambridge Science / Khoa học Cambridge	3	3	3	3	3	

Grand Total		34/35 +6 CLB	34/35 +6 CLB	34/35 +6 CLB	35 + 5 CLB	35 + 5 CLB	
--------------------	--	-----------------------------	-----------------------------	-----------------------------	---------------------------	---------------------------	--

5. Phụ lục 5. Các hoạt động trải nghiệm, sự kiện chính trong năm học

Tên hoạt động	Tham gia	Phụ trách
4.8: Back to school	Toàn trường- Vừa- Mở cửa cho PH tham gia	BGH
W1: Ready to rise– Khởi động năng lượng		
W2: Boost your brain– Bứt phá kỹ năng học thuật		
W3: Conquer the challenge– Chinh phục thử thách		
22/8: Ironman Olympia	Toàn trường- Lớn- Mở cửa cho PH tham gia tự do	BGH
Ironman Olympia (We are ready)	THCS	BGH
16/8: Họa Phụ huynh đầu năm học	Lớp	Tổ bộ môn
22/8: Họa đại diện cha mẹ học sinh		BGH
5.9: Khai giảng Năm học mới/New school year		BGH
3.10. Lễ hội trăng rằm		
6.10: Chào cờ tháng 10		Đoàn - đội, Tổ bộ môn
17.10: Ngày của Mẹ	Lớp	Tổ bộ môn, GVCN
31.10: Ngày hội hóa trang	Lớp	BGH, GVCN
3.11: Chào cờ tháng 11		Đoàn - đội, Tổ bộ môn
10.11: Cuộc thi toán tiếng Anh Tiểu học	HS TH- Không có PH	Tổ Tiếng Anh và chương trình Cambridge
14.11: SO Got Talent	Toàn trường- Vừa- HS đăng ký tham gia theo nhu cầu	BGH, Tổ bộ môn
17.11: Hùng biện THCS	HS THCS- Không có PH	Tổ Tiếng Anh và chương trình Cambridge
1.12: Chào cờ tháng 12		Đoàn - đội, Tổ bộ môn

15-19.12: Trang trí chủ đề Lễ hội mùa đông		
15.12: Lễ hội Mùa đông	Toàn trường- Lớn- Có PH	BGH, Tổ Nghệ thuật và GDTC
5.1: Chào cờ tháng 1		Đoàn - đội
17.1: Họp PH cuối kì I		Tổ bộ môn, GVCN
21.1: Lễ Hội Thể thao	Toàn trường- Lớn- Có PH	BGH, Tổ Nghệ thuật và GDTC
31.1: Open day		Bộ phận tuyển sinh, Tổ bộ môn
W24: Trang trí chủ đề Tết		BGH
2.2: Chào cờ tháng 2		Đoàn - đội, Tổ bộ môn
6.2: Dã ngoại TH & THCS- Cuộc thi vẽ Cây cọ vàng (Lớp học không tường)	Toàn trường- Lớn- Không có PH	BGH, Tổ Nghệ thuật và GDTC
2.3: Chào cờ tháng 3		Đoàn - đội, Tổ bộ môn
6.3: Món quà tặng Mẹ	Lớp	Tổ bộ môn, GVCN
23.3: Spelling Bee TH	Khối TH - Lớn, không có PH	Tổ Tiếng Anh và chương trình Cambridge
28.3: Ngày hội STEM day và Open day	Toàn trường- Lớn- PH tham gia tự do	Sự kiện, GV KHTN
30.3: Cuộc thi tiếng Anh THCS	THCS	Tổ Tiếng Anh và chương trình Cambridge
6.4: Chào cờ tháng 4		Đoàn - đội, Tổ bộ môn
13-18.4: Tuần lễ đọc sách	Toàn trường	
20.4: Chung kết Super Reader	Toàn trường- Vừa- PH tham gia tự do	BGH, Tổ bộ môn và GV Ngữ Văn
23.5 -24.5: Họp PH cuối năm	Lớp	Tổ bộ môn, GVCN
28.5: Learning Journey	Toàn trường- Lớn- Có PH	BGH, tất cả GV, CBNV
28.5: Bế giảng	Toàn trường- Vừa- PH tham gia tự do	BGH, tất cả GV, CBNV
29.5: Lễ ra trường	Toàn trường- Vừa - Có PH của khối	BGH, GVCN khối 5, khối 9

6. Phụ lục 6. Lịch năm học 2025-2026



LỊCH NĂM HỌC 2025 - 2026 YEAR CALENDAR 2025 - 2026

Week	Mon	Tue	Wed	Thur	Fri	Sat	Sun
00					1	2	3
01	4	5	6	7	8	9	10
02	11	12	13	14	15	16	17
03	18	19	20	21	22	23	24
04	25	26	27	28	29	30	31

Chủ đề tháng 8: Trở lại trường học
Topic of August: Back to school
4.8: HS quay lại trường / Back to school
W1: Khởi động năng lượng / Ready to rise
W2: Bứt phá kỹ năng học thuật / Boost your brain
W3: Chinh phục thử thách / Conquer the challenge
16.8: Họp phụ huynh đầu năm học / School year opening parent meeting
22.8: Họp đại diện cha mẹ học sinh / Parent Association meeting

Week	Mon	Tue	Wed	Thur	Fri	Sat	Sun
01	1	2	3	4	5	6	7
02	8	9	10	11	12	13	14
03	15	16	17	18	19	20	21
04	22	23	24	25	26	27	28
05	29	30					

Chủ đề tháng 9: Việt Nam và Con người
Topic of September: Viet Nam and People
5.9: Nghi lễ Quốc Khánh / National Day Holiday
5.9: Khai giảng Năm học mới / School Year Opening Ceremony

Week	Mon	Tue	Wed	Thur	Fri	Sat	Sun
06			1	2	3	4	5
07	6	7	8	9	10	11	12
08	13	14	15	16	17	18	19
09	20	21	22	23	24	25	26
10	27	28	29	30	31		

Chủ đề tháng 10: Yêu thương và Chia sẻ
Topic of October: Love and Share
3.10: Lễ hội trăng rằm / Mid-Autumn Festival
6.10: Chào cờ tháng 10 / October flag-raising activity
10.10: Ngày của Mẹ / Mother's Day
W9: Phát đề cương cho HS và Nộp đề kiểm tra giữa kì I. Mở dự liệu nhập báo cáo
Distributing study outlines to students and submitting Mid-Term I exam papers; starting report data entry
W10: Kiểm tra Giữa kì I + Unit Test (Cambridge)
Mid-Term I exam + Cambridge Unit Test
31.10: Ngày hội hóa trang / Halloween event

Week	Mon	Tue	Wed	Thur	Fri	Sat	Sun
11						1	2
12	3	4	5	6	7	8	9
13	10	11	12	13	14	15	16
14	17	18	19	20	21	22	23
15	24	25	26	27	28	29	30

Chủ đề tháng 11: Tri ân thầy cô
Topics of November: Gratitude to Teachers
3.11: Chào cờ tháng 11 / November flag-raising activity
10.11: Cuộc thi toán tiếng Anh Tiểu học / Clash of Mind Math Competition - Primary School
14.11: Chương trình Tài năng SO / SO's Got Talent
17.11: Hùng biện tiếng Anh - THCS / English Debate - Middle School
21.11: Gửi báo cáo quá trình lên 1 / Sending formative report 1

Week	Mon	Tue	Wed	Thur	Fri	Sat	Sun
16	1	2	3	4	5	6	7
17	8	9	10	11	12	13	14
18	15	16	17	18	19	20	21
19	22	23	24	25	26	27	28
20	29	30	31				

Chủ đề tháng 12: Tự lập và Tự vệ
Topic of December: Independence and Self-Defense
1.12: Chào cờ tháng 12 / December flag-raising activity
14.12: Trang trí chủ đề Giáng Sinh / Christmas-themed decoration activities
W16: Phát đề cương cho HS và Nộp đề kiểm tra cuối kì I. Mở dự liệu nhập báo cáo
Distributing study outlines to students and submitting End-of-Term I exam papers; starting report data entry
W18: Kiểm tra học kì I / End-of-term I exam
15.12: Lễ hội Giáng Sinh / Christmas Holidays

Week	Mon	Tue	Wed	Thur	Fri	Sat	Sun
21					1	2	3
22	4	5	6	7	8	9	10
23	11	12	13	14	15	16	17
24	18	19	20	21	22	23	24
25	25	26	27	28	29	30	31

Chủ đề tháng 1: Văn hóa và Lễ hội
Topic of January: Culture and Festival
29.12-31: Bắt đầu kỳ nghỉ đông và Nghi lễ Dương lịch 2025
Winter Break and 2025 New Year's Day holiday
5.1: Chào cờ tháng 1 / January flag-raising activity
W20: Tải báo kiểm tra học kì và Hoàn thành nhập điểm CSĐL báo cáo
Delivering Term I exam papers and finishing entering scores into the database and reports
W21: Bắt đầu chương trình học kì II / Start of term II program
14.1: Báo cáo tổng kết HKI / Sending summative report 1
16.1: Gửi Báo cáo trên CSĐL / Submitting Reports to the database system
17.1: Họp PH cuối kì I / End-of-term I parent meeting
24.1: Lễ Hội Thể thao / Sports Day
31.1: Open Day

Week	Mon	Tue	Wed	Thur	Fri	Sat	Sun
23							1
24	2	3	4	5	6	7	8
25	9	10	11	12	13	14	15
26	16	17	18	19	20	21	22
27	23	24	25	26	27	28	

Chủ đề tháng 2: Tết và Hội nhập
Topic of February: Tet Holiday & Integration
2.2: Chào cờ tháng 2 / February flag-raising activity
3.4.5.2: Thi thử Checkpoint + Kiểm tra Progression test (Grades 3-8) + Thi thử cho HS lớp 9
Mock Checkpoint Exam + Progression Tests (Grades 3-8) + Grade 9 Mock Exam
W26: Nghi lễ Tết Âm lịch / Lunar New Year holiday
23.2: Quay lại trường học sau kỳ nghỉ Tết Nguyên Đán
Returning to school after the Lunar New Year holiday
W27: Phát đề cương cho HS và Nộp đề kiểm tra giữa kỳ II. Mở dự liệu nhập báo cáo
Distributing study outlines to HS and Submitting Mid-Term II exam papers; Starting report data entry
25.2: Dã ngoại TH & THCS- Cuộc thi vẽ Cây cổ vông
Primary & Middle School Field trip - Golden Painter Contest

Week	Mon	Tue	Wed	Thur	Fri	Sat	Sun
28							1
29	2	3	4	5	6	7	8
30	9	10	11	12	13	14	15
31	16	17	18	19	20	21	22
32	23	24	25	26	27	28	29

Chủ đề tháng 3: Kỷ luật là sức mạnh
Topic of March: Discipline is strength
2.3: Chào cờ tháng 3 / March flag-raising activity
6.3: Món quà tặng Mẹ / Gifts for Mom
W28W29: Lập học không tường + Hoàn thiện chương trình Mùa hè (Summer camp và Tiến tiểu học)
No-Wall Classes + Finishing the Summer Programme (Summer Camp and Pre-Primary)
W30: Kiểm tra giữa kỳ II + Unit test (Cambridge) / Mid-Term II exam and Cambridge Unit test
22.3: Spelling Bee TH / Spelling Bee - Primary School
27.3: Gửi báo cáo quá trình 2 / Sending formative report 2
28.3: Ngày hội STEM day và Open day / STEM day and Open day
30.3: Cuộc thi Tiếng Anh THCS / English competition - Middle School

Week	Mon	Tue	Wed	Thur	Fri	Sat	Sun
33							1
34	2	3	4	5	6	7	8
35	9	10	11	12	13	14	15
36	16	17	18	19	20	21	22
37	23	24	25	26	27	28	29

Chủ đề tháng 4: Sách và những người bạn
Topic of April: Books and Friends
6.4: Chào cờ tháng 4 / April flag-raising activity
13.4: Tuần lễ đọc sách / Reading week
W36: Phát đề cương cho HS và Nộp đề kiểm tra cuối kỳ II. Mở dự liệu nhập báo cáo
Distributing review outline with students, Submitting End-of-Term II exam papers, Opening report entry database
20.4: Chung kết Super Reader / Super Reader final round
27.4: Nghi lễ Tưởng niệm / Hung King Commemoration Day
30.4: Nghi lễ Giải phóng miền Nam / Southern Liberation Holiday

Week	Mon	Tue	Wed	Thur	Fri	Sat	Sun
38						1	2
39	3	4	5	6	7	8	9
40	10	11	12	13	14	15	16
41	17	18	19	20	21	22	23
42	24	25	26	27	28	29	30

Chủ đề tháng 5: Hành trình học tập
Topic of May: Learning Journey
1.5.5: Nghi Quốc Tế Lao Động / International labor day holidays
4-5.5: Kiểm tra HK II / Term II exam
W39: Tải báo kiểm tra HK II và hoàn thành nhập điểm CSĐL
Delivering term II exam papers and completing database score entry
21.5: Gửi báo cáo tổng kết 2 / Sending summative report 2
22.5: Gửi báo cáo tổng kết trên CSĐL / Submitting the summary report to the database
23.5-24.5: Họp PH cuối năm / End-of-year Parent Meeting
28.5: Learning Journey
29.5: Lễ bế giảng + Lễ ra trường / End-Of-Year Assembly + Graduation Ceremony
30.5: Teambuilding

Week	Mon	Tue	Wed	Thur	Fri	Sat	Sun
43							1
44	2	3	4	5	6	7	8
45	9	10	11	12	13	14	15
46	16	17	18	19	20	21	22
47	23	24	25	26	27	28	29

Chủ đề tháng 6: Kỳ nghỉ hè
Topic of June: Summer Vacation
1-6.6: Nghỉ hè / Summer Vacation
8.6: Training nội bộ và Chuẩn bị chương trình mùa hè
Internal Training and Summer Program Preparation
15.6: Bắt đầu Summer camp và Tiến tiểu học / Start of Summer Camp and Pre-Primary

Sự kiện - Events Ngày lễ - Holidays Ngày quan trọng - Important date Đào tạo giáo viên - Teacher Training Ngày báo cáo - Report dates

SAKURA - OLYMPIA SCHOOL

63 Lê Văn Lương, Hai Châu, Đà Nẵng
tuyensinh@sakuraolympia.edu.vn 0905 56 57 58
www.sakuraolympia.edu.vn